

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 371/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số 10/D21, đường Mê Linh, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Hồng V**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số 10/D21, đường Mê Linh, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị V xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Lê Hoàng D, sinh ngày 24/12/2002, Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Lê Hoàng L, sinh ngày 18/11/2013. Ly hôn anh H và chị V thỏa thuận thống nhất giao con chung Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Lê Hoàng L, sinh ngày 18/11/2013 cho chị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận. Đối với con chung Nguyễn Lê

Hoàng D, sinh ngày 24/12/2002 đã trưởng thành phát triển bình thường, nên không có yêu cầu gì.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh **H** thỏa thuận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008014 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho anh **H** 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt (cũ là phường 2, thành phố Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan

